

Doanh nghiệp CNHT ngành điện tử tận dụng cơ hội trong chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu hậu COVID-19



Người trình bày: Mrs. Đỗ Thị Thúy Hương

Phó Chủ tịch VASI; Ủy viên BCH VEIA

Tổng biên tập tạp chí Vietnet24h: www.vietnet24h.vn

“Diễn đàn Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam 2021”

Thứ Sáu, ngày 4 tháng 7 năm 2021

NỘI DUNG CHÍNH

- 1. Ngành công nghiệp điện tử Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế khu vực và toàn cầu.**
- 2. Cơ hội và thách thức của ngành công nghiệp điện tử Việt Nam thời kỳ hậu COVID-19.**

Phần 1

Ngành Công nghiệp điện tử Việt Nam trong bối cảnh kinh tế khu vực và quốc tế



Xuất nhập khẩu ngành công nghiệp điện tử Việt Nam

Đơn vị tính: Tỷ Đô la Mỹ

Ghi chú: tỷ lệ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Nguồn: www.gso.vn

No.	Lĩnh vực	Xuất khẩu	Tăng trưởng	Nhập khẩu	Tăng trưởng
01	Máy tính và linh kiện 2016	18,5	18,4%	27,7	20,1%
02	Điện thoại và linh kiện 2016	34,5	14,4%	10,5	-0,1%
	Tổng cộng cả năm 2016	53,0		38,3	
01	Máy tính và linh kiện 2017	25,8	36,5%	37,5	34,4%
02	Điện thoại và linh kiện 2017	45,1	31,4%	16,2	53,2%
	Tổng cộng cả năm 201	73,9		53,7	
01	Máy tính và linh kiện 2018	29,4	13,4%	42,5	12,5%
02	Điện thoại và linh kiện 2018	50,0	10,5%	16,0	-2,6%
	Tổng cộng cả năm 2018	79,4		58,5	
01	Máy tính và linh kiện 2019	35,92	22,17%	51,35	20,8%
02	Điện thoại và linh kiện 2019	51,37	4,69%	14,61	-8,68%
	Tổng cộng cả năm 2019	87,29		65,96	

Xuất nhập khẩu ngành công nghiệp điện tử Việt Nam

Đơn vị tính: Tỷ Đô la Mỹ

Ghi chú: tỷ lệ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Nguồn: www.gso.vn

No.	Lĩnh vực	Xuất khẩu	Tăng trưởng	Nhập khẩu	Tăng trưởng
01	Máy tính và linh kiện 2020	42.93	25.81%	60.10	17.91%
02	Điện thoại và linh kiện 2020	49.05	-5.21%	14.18	0.06%
	Tổng cộng cả năm 2020	91.98		74.28	
01	Máy tính và linh kiện quý 1 - 2021	11,95	31,6%	16,54	20,31%
02	Điện thoại và linh kiện quý 1 - 2021	14,37	11,6%	4,81	47,29%
	Tổng cộng quý 1 - 2021	26,32		21,35	

1. Nhu cầu tiêu thụ điện thoại trên toàn thế giới giảm 15-20% năm 2020 và lượng xuất khẩu của Việt Nam giảm 5%. Song có dấu hiệu phục hồi trong quý 1-2021
2. Thay đổi định hướng nhu cầu: Các sản phẩm công nghệ tầm trung và giá rẻ sẽ được ưu tiên.



Đầu tư của các ông lớn công nghệ vào lĩnh vực điện tử tại Việt Nam

No.	Project Name	Place of Investment	Investment Capital (Mil. USD)	Main Product	Year of Operation
1	Samsung Electronics Việt Nam - Bac Ninh (SEV)	Bac Ninh	2,500	Mobile phone, Mobile devices and ICT hi-tech devices	2008
2	Samsung Electronics Việt Nam - Thai Nguyen (SEVT)	Thai Nguyen	5,000	Mobile phone, Mobile devices and ICT hi-tech devices	2013
3	SEMV	Thai Nguyen	1,230		2013
4	Samsung Display Bắc Ninh (SDV)	Bac Ninh	6,500	LCD & OLED	2014
5	SDIV	Bac Ninh	133		2009
6	Samsung Electronic HCMC CE Complex (SEHC)	HCMC high-tech park	2,000	Development and manufacturing hi-tech household goods	2014
7	Samsung Vietnam Mobile R&D Center (SVMC) - Hà Nội	Under construction: West of Hanoi	220	R&D Center	2020
8	LG Electronic Vietnam	Hai Phong	1,500	Household electric goods, mobile phone, electronic device for cars	2015
9	LG Display Vietnam	Hai Phong	2,500	OLED TV, OLED display devices, LCD	2016
10		Hai Phong	750		2021
11		(to be invested)	1,500		2021
12	Intel Products Vietnam	HCMC high-tech park	1,000	Micro chip	2006
13	Canon Vietnam	Hanoi, Bac Ninh	306	Printer and scanning machines	2001
14	Nokia Vietnam	Bac Ninh	302	Mobile phone	2013
15	Panasonics Vietnam	Thang Long - Hanoi	224	Households electric goods and components	2003
	Eukang Technology (Foxconn)				

Top 20 công ty điện tử và CNTT lớn nhất thế giới (tính theo doanh thu, các năm 2015-2016)

Company name	Revenue (Mil. USD)	Total labors (person)	Origin country	Company name	Revenue (Mil. USD)	Total labors (person)	Origin country
1. Apple	233 715	110 000	USA	12. Sony	67 510	125 300	Japan
2. Samsung Eletronics	177 440	319 000	S.Korea	13. Panasonic	62 920	249 520	Japan
3. Foxcomn	141 213	1 060 000	Taiwan, China	14. Huawei	62 850	170 000	China
4. General Electric	140 389	333 000	USA	15. Intel	59 380	106 000	USA
5. Hewlett Packard	103 355	287 000	USA	16. Toshiba	50 170	188 000	Japan
6. Hitachi	100 340	335 244	Japan	17. LG Electronics	50 000	77 000	S.Korea
7. Alphabet Inc.	90 270	61 814	USA	18. Fujitsu	47 300	169 000	Japan
8. Microsoft	85 320	114 000	USA	19. Nokia	23 610	101 787	Finland
9. IBM	79 919	380 300	USA	20. Philips	---	114 000	Netherland
10. Siemens	79 640	351 000	Germany	21. Ericson	25 000	111 464	Sweden
11. Dell	74 000	140 000	USA	22. Schneider Electric	26 840	144 000	France

Source: IndustriAll 2017. Black: Revenue above 50 Mil. USD; Red: Revenue below 50 Mil. USD

Top 20 công ty điện tử và CNTT lớn nhất thế giới (tính theo doanh thu năm 2018-2019)

Company name	Revenue (Mil. USD)	Total labors (person)	Origin country	Company name	Revenue (Mil. USD)	Total labors (person)	Origin country
1. Apple	265 234	132 000	USA	12. Dell	78 700	145 000	USD
2. Amazon	232 887	647 000	USA	13. Sony	77 100	114 400	Japan
3. Samsung Electronics	211 597	320 671	S.Korea	14. Panasonic	72 000	273 858	Japan
4. Foxconn	175 617	667 680	Taiwan, China	15. Intel	62 761	102 700	USA
5. Alphabet Inc.	136 189	98 771	USA	16. LG Electronics	54 314	157 831	S.Korea
6. General Electric	120 268	283 000	USD	17. JD.Com	54 000	157 831	China
7. Microsoft	125 800	144 106	USA	18. Hewlett- Packard	52 056	157 831	USA
8. Huawei	105 191	188 000	China	19. Lenovo	45 350	54 000	China
9. Siemens	91 585	397 800	Germany	20. Pegatron	39 238	177 950	Taiwan - China
10. Hitachi	84 559	307 275	Japan				
11. IBM	79 139	397 800	USA				

Source: IndustriAll 2019.

Lương trung bình của lao động ngành điện tử Châu Á (2015-16, tính theo Đô la Mỹ/tháng)

(Source: JETRO)

No.	Country/region	Blue Engineer	Worker	No.	Country/Region	Blue Engineer	Worker
1	Yokohama, Japan	3248	2588	8	Manila, Philipine	477	312
2	Seoul, Korea	2241	1823	9	Jakarta, Indonesia	413	255
3	Singapore	2596	1580	10	Chennai, India	452	209
4	Taipei, Taiwan	1249	985	11	Hanoi, Vietnam	346	180
5	Shenzen, China	674	424	12	Phnom Penh, Campuchia	325	152
6	Kuala Lumpur, Malaysia	724	418	13	Yangon, Myanmar	388	127
7	Bangkok, Thailand	651	344	14	Dhaka, Bangladesh	285	95

Lương trung bình của lao động ngành điện tử Châu Á (2018-19, tính theo Đô la Mỹ/tháng)

(Source: JETRO)

No.	Country/region	Blue Engineer	Worker	No.	Country/Region	Blue Engineer	Worker
1	Yokohama, Japan	3595	2834	8	Manila, Philipine	373	234
2	Seoul, Korea	2702	2208	9	Jakarta, Indonesia	457	308
3	Singapore	3064	1946	10	Chennai, India	470	211
4	Taipei, Taiwan	1428	1097	11	Hanoi, Vietnam	436	217
5	Shenzen, China	831	490	12	Phnom Penh, Campuchia	648	201
6	Kuala Lumpur, Malaysia	728	413	13	Yangon, Myanmar	349	162
7	Bangkok, Thailand	728	413	14	Dhaka, Bangladesh	287	109

Phần 2

**Cơ hội và thách thức đối với ngành
CNHT điện tử Việt Nam thời kỳ hậu
COVID-19**



Xu hướng chung của nền kinh tế thế giới năm 2021

1. Các loại hình liên kết kinh tế tiếp tục được đẩy mạnh (các FTA thế hệ mới và hiệp định thương mại tự do);
2. Xu hướng bảo hộ tiếp tục gia tăng trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng phức tạp và đi vào chiều sâu, nhất là ảnh hưởng của đại dịch COVID-19;
3. Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, định hình lại chuỗi cung ứng toàn cầu, theo xu hướng dịch chuyển nguồn cung để giảm phụ thuộc vào Trung Quốc;
4. Thiếu hụt tạm thời các linh kiện và bộ phận cho các ngành công nghiệp điện tử, đặc biệt là linh kiện từ các ngành công nghiệp bán dẫn.
5. Những thói quen và hành vi tiêu dùng mới được hình thành sau COVID-19.
6. Quản trị công nghệ toàn cầu: chịu sự chi phối của Big Tech.

Những cơ hội cho ngành điện tử và CNHT của Việt Nam

1. Cơ hội tăng xuất khẩu sang Mỹ và EU do điều chỉnh chuỗi cung ứng sau COVID-19;
2. Tăng cường thu hút FDI: xu hướng dịch chuyển vốn đầu tư và sản xuất từ Trung Quốc sang các nước, tạo cơ hội cho Việt Nam tăng cường thu hút FDI, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử.
3. Các nước đẩy mạnh liên kết kinh tế song phương và khu vực nên tiến trình phê chuẩn CPTPP, EVFTA, ... diễn ra khẩn trương hơn.
4. Tăng cơ hội xuất khẩu sang các thị trường vốn khó tính như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản,...



Những thách thức đối với ngành CN Điện tử – CNHT Việt Nam

1. Việc thay đổi thói quen và phương thức tiêu dùng ở trạng thái bình thường đòi hỏi Việt Nam phải kịp thời điều chỉnh các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và thu hút đầu tư nước ngoài để đảm bảo dòng vốn FDI có chọn lọc. Ưu tiên công nghệ tiên tiến, bền vững và có sức lan tỏa đối với nền kinh tế Việt Nam.
2. Nguy cơ tụt hậu xa hơn do sự phát triển quá nhanh của Công nghiệp 4.0, buộc phải phát triển dựa trên đổi mới, sáng tạo; Nhân công giá rẻ và các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có không còn là lợi thế nữa.
3. Thiếu nguồn nhân lực lao động lành nghề, thiếu năng lực tài chính và năng lực công nghệ để tiếp nhận công nghệ tiên tiến từ dòng vốn FDI. Nguy cơ chuyển giao công nghệ thấp và trung bình vào Việt Nam.
4. Các thách thức an ninh phi truyền thống: biến đổi khí hậu, khai thác không bền vững tài nguyên thiên nhiên sẽ tác động mạnh đến các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.
5. Tạm thời thiếu vật liệu, linh kiện và bộ phận hỗ trợ cho ngành công nghiệp điện tử.

Ngành CN Điện tử – CNHT Việt Nam cần làm gì?

1. **Chính phủ:** Cần tập trung đầu tư vào các công ty đầu đàn để có thể kéo theo các DNVTN phát triển hình thành chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp Việt. Đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, khởi động, chuyển đổi mới sáng tạo và công nghệ trung và cao trong điện tử.
2. **Doanh nghiệp:** Nâng cao năng lực cạnh tranh: nhân lực, công nghệ, quản trị sản xuất. Đẩy mạnh tiếp nhận các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp xuất khẩu nâng cao năng lực, sức cạnh tranh và cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy liên kết chuỗi cung ứng. Tăng cường kết nối doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI trong ngành điện tử. Đẩy mạnh việc số hóa trong doanh nghiệp.
3. **Chính sách:**
 1. Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng. Cải thiện cách điều hành chính, cải thiện cách tư pháp, cải thiện môi trường kinh doanh trong nước, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Đẩy mạnh số hóa trong doanh nghiệp.
 2. Tận dụng cơ hội chuyển đổi sản xuất sang Việt Nam để thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, tham gia tích cực vào chuỗi cung ứng ở vị trí công nghệ cao hơn.
 3. Có chiến lược thu hút FDI có bộ lọc chọn lọc, tập trung, ưu tiên FDI vào lĩnh vực công nghiệp cao, thay đổi mới, liên kết chặt chẽ với kinh tế tế trong nước. Đồng thời, có ngăn chặn chính sách hiệu quả các dòng vốn đầu tư chất lượng thấp, chuyển đổi rủi ro cho môi trường và công nghệ
4. **Hiệp hội:** Tăng cường kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ từ Chính phủ và các tổ chức quốc tế (về công nghệ, nâng cao năng lực kinh doanh, tiếp thị quốc tế). Hỗ trợ doanh nghiệp hiểu và áp dụng các chính sách.

Xin cảm ơn quý vị đã lắng nghe!

Website: www.veia.org.vn Email: dthuong@veia.org.vn

Contact person: Ms. Do Thi Thuy Huong
VEIA Executive Board

Truy cập: www.vietnet24h.vn để tải về bài trình bày

